TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: **557**/2023/QĐST-HNGĐ	*Quận 4, ngày 21 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 455/2023/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thụy Thu N, sinh năm 1977
HKTT: 2.4 Lô C1 Tầng C, Chung cư A C, phường N, Quận A, TP . Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970
HKTT: 4 Đ, Phường A, Quận D, TP . Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81,82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thụy Thu N và ông Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thụy Thu N và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 22, quyển số 01/1997, ngày 15/7/1997 tại U, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2 Về con chung: Bà Nguyễn Thụy Thu N và ông Nguyễn Văn T cùng xác nhận ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Kiều Kim O, sinh ngày 27/1/1999. Con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thụy Thu N và ông Nguyễn Văn T cùng xác nhận ông, bà không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Án phí hòa giải thành hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà Nguyễn Thụy Thu N tự nguyện chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2023/0042438 ngày 18/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, bà Nguyễn Thụy Thu N được hoàn lại 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 4;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Bích Phượng